

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3327/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-8-2022  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Thanh Giàu
2. Ông Trần Đăng Vạn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1008/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 5457/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5458/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn D, sinh năm 1983

Địa chỉ: phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Bà Lê Thị Ngọc T, ông Nguyễn D đều vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Nguyễn D tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cả hai không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến không còn tiếng nói chung, tình cảm lạnh nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng một năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai nhiều lần trao đổi chuyện hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông D, không thể hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn D.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn D K, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2012. Hiện con đang sống cùng cha. Khi ly hôn, bà T đồng ý giao con cho ông D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T tự khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông Nguyễn D đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn D; Về con chung: Giao ông D trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn D K, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2012, bà T không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Ngọc T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn D, ông D có nơi cư trú tại phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông D.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2011 nên hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp.

Theo lời khai của bà T thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm chia sẻ lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột cự cãi, tình cảm lạnh nhạt. Hiện nay vợ chồng đã ly thân nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn D không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, bà T không có mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn D là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn D K, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2012. Xét, bà T yêu cầu giao con cho ông D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Theo lời khai của bà T và kết quả xác minh Công an phường Long Bình thì trẻ Khang hiện đang sống cùng ông D, trẻ Khang cũng có nguyện vọng được sống cùng cha. Do đó, để đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định về mọi mặt của trẻ, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con cho ông D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên có căn cứ chấp nhận.

Việc bà T không cấp dưỡng nuôi con đã được thể hiện trong Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ cho ông D. Tuy nhiên, ông D không có văn bản trình bày ý kiến nên được coi là không có sự phản đối về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2011, đăng ký ngày 14 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao cho ông D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn D K, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2012. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T tự khai không có.

**2.** Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: AA/2021/0026599 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

**3.** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND phường Long Bình, TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Quyên**